



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thủy Điện Cần Đơn

Ngày 30/06/2025	14,750 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.8%	11.1%	15.8%

DT thuần Q2/25
99.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.4 81.4%
YoY: ▲ 10.5 11.9%

LN thuần Q2/25
46.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.6 216%
YoY: ▲ 13.0 39.2%

LN sau thuế Q2/25
36.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.5 225%
YoY: ▲ 11.2 43.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
52.1%
YoY: +/-▲ 21.2%

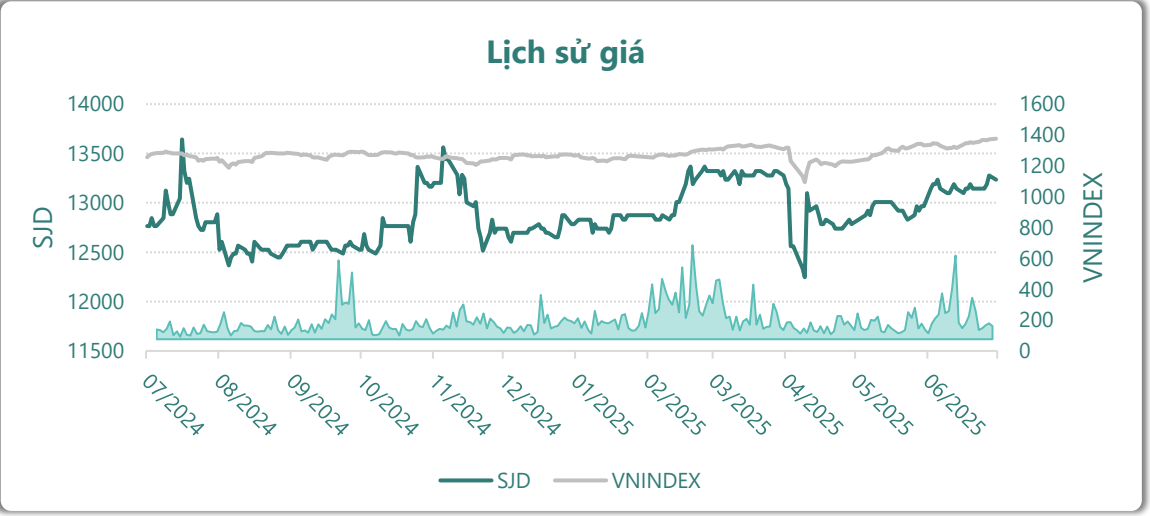
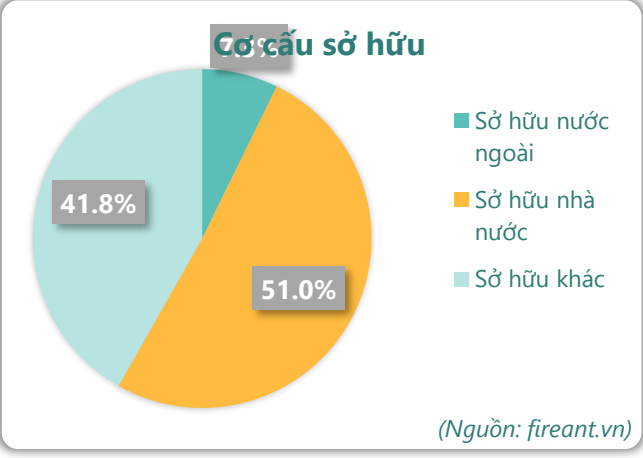
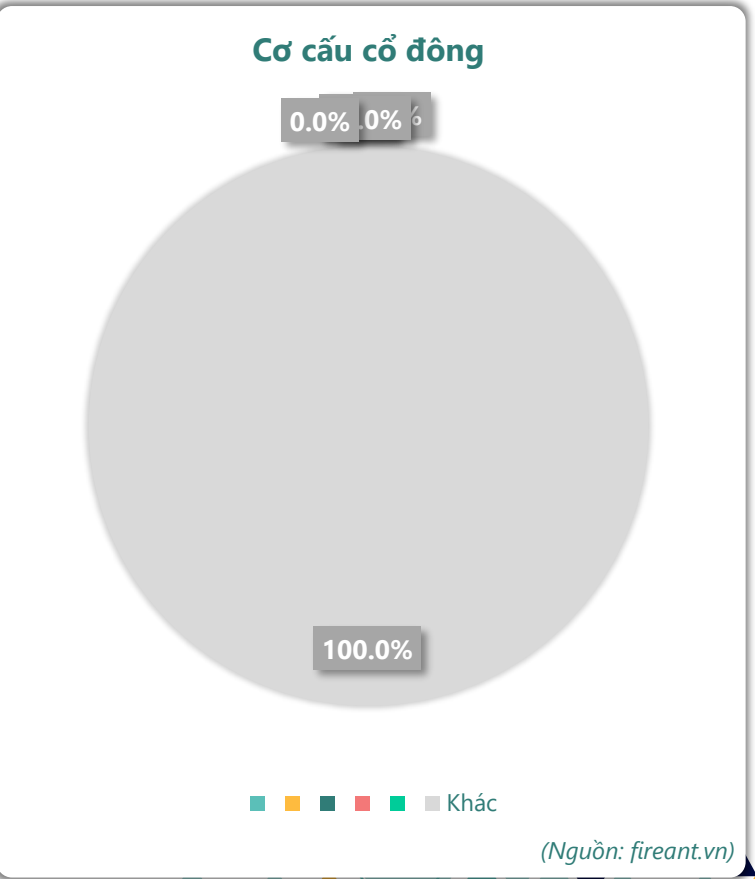
ROE (TTM) Q2/25
15.9%
YoY: +/-▲ 2.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,247 - 13,643
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,018
Số lượng CPLH (CP)	68,998,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	72,150
Sở hữu nước ngoài	7.3%
Beta	0.42
EPS	2,160
P/E	6.8

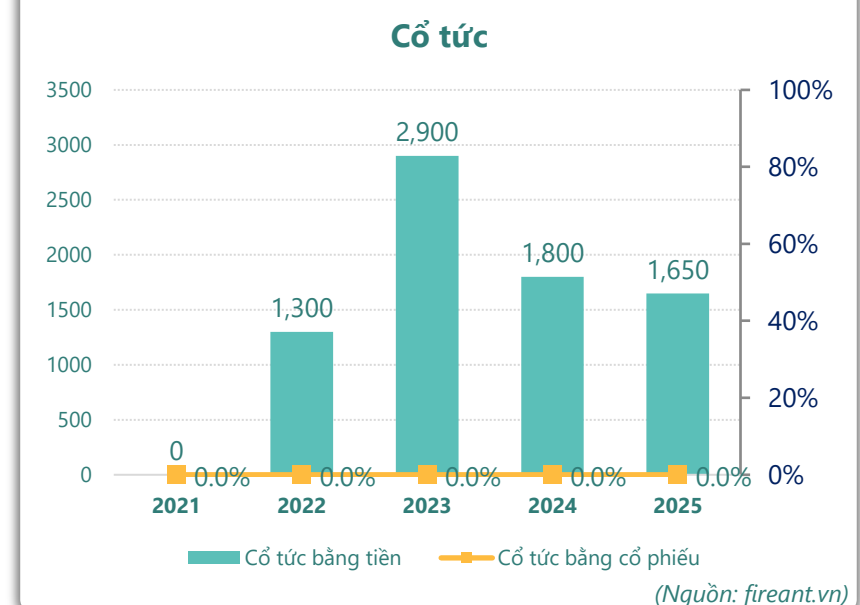
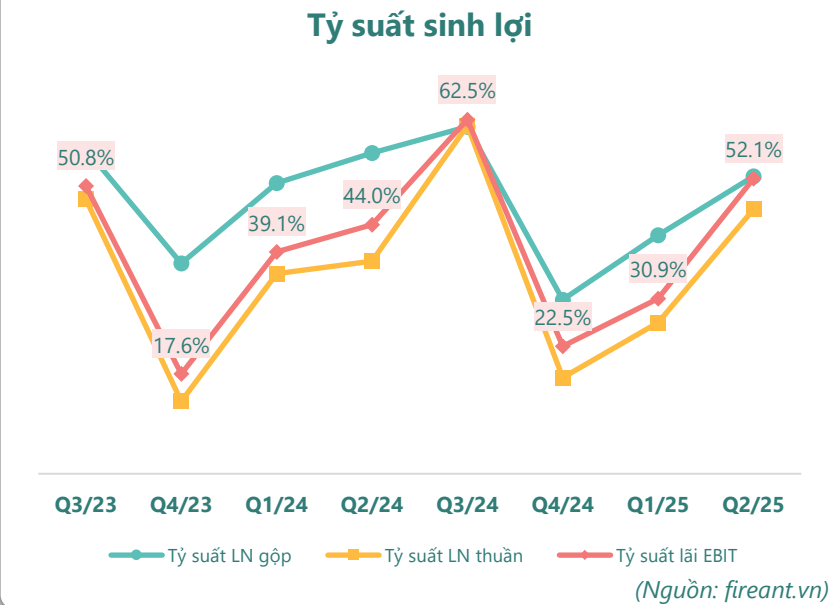
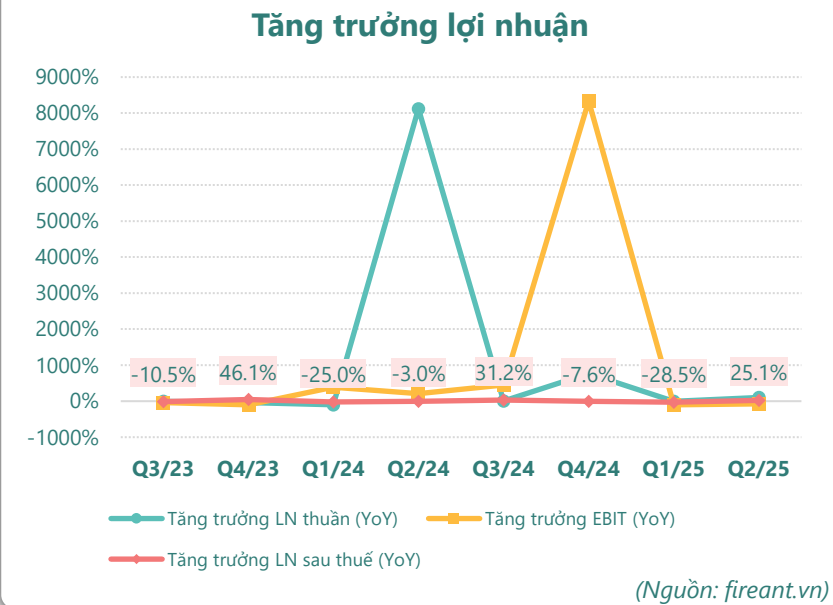
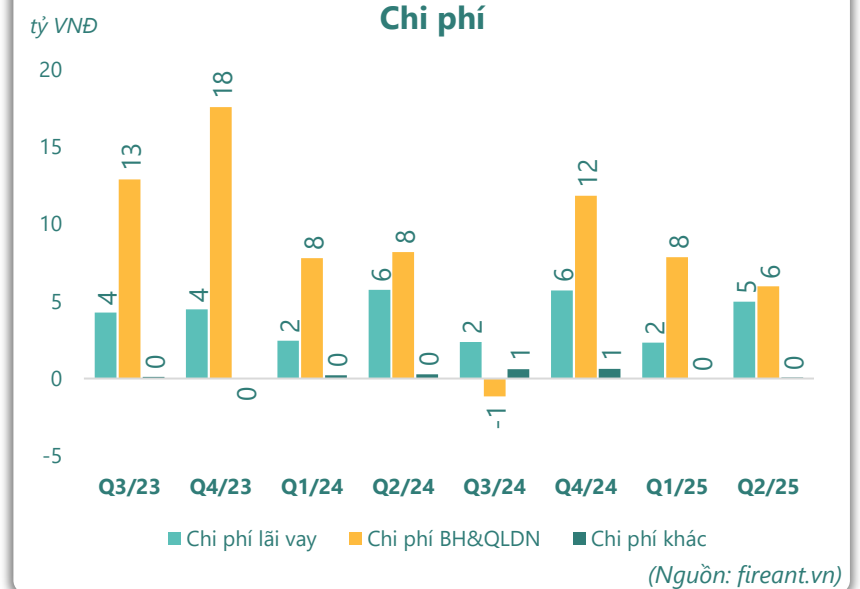
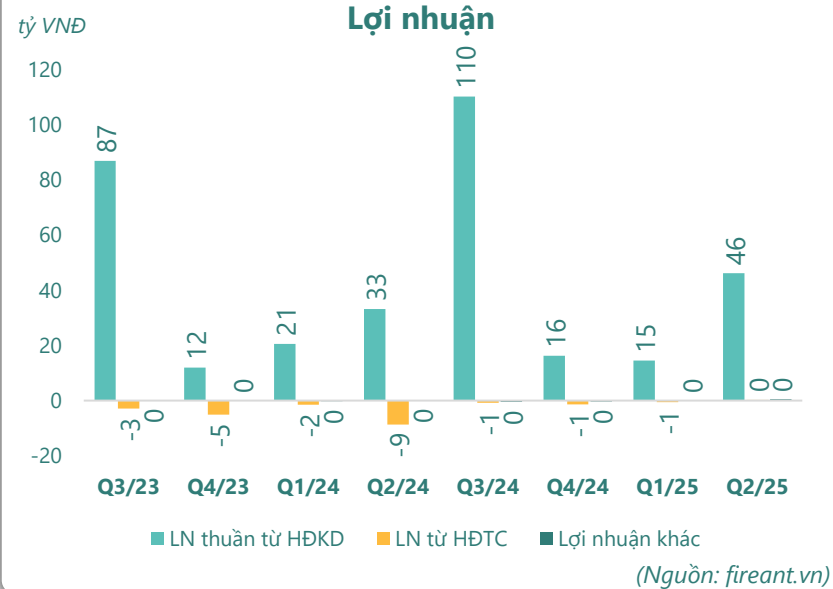
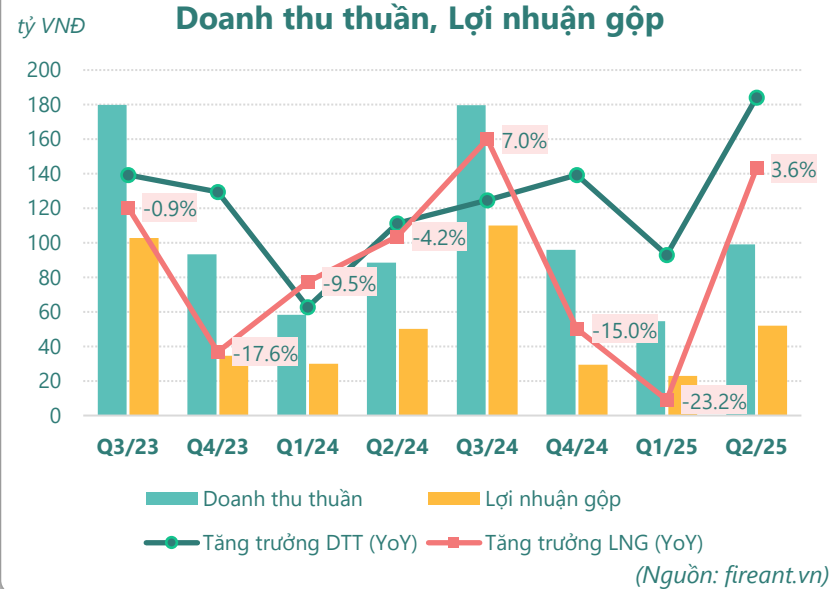
DT thuần 6T 2025
154
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 4.6%

LN thuần 6T 2025
60.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 12.9%

LN sau thuế 6T 2025
48.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.70 16.1%



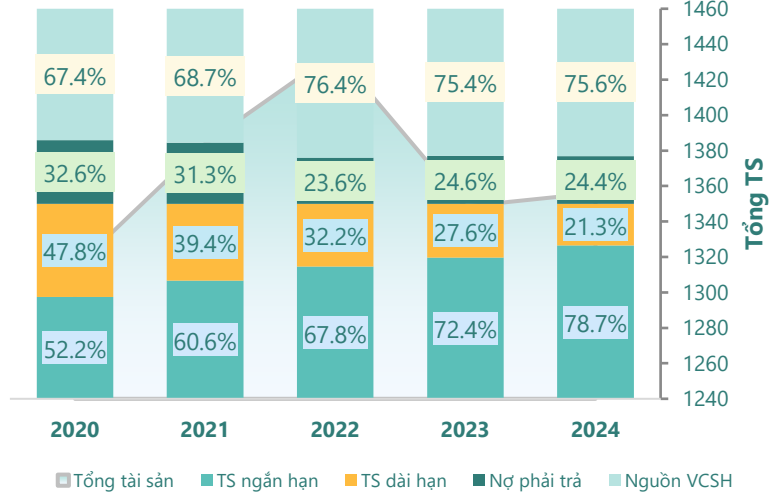
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

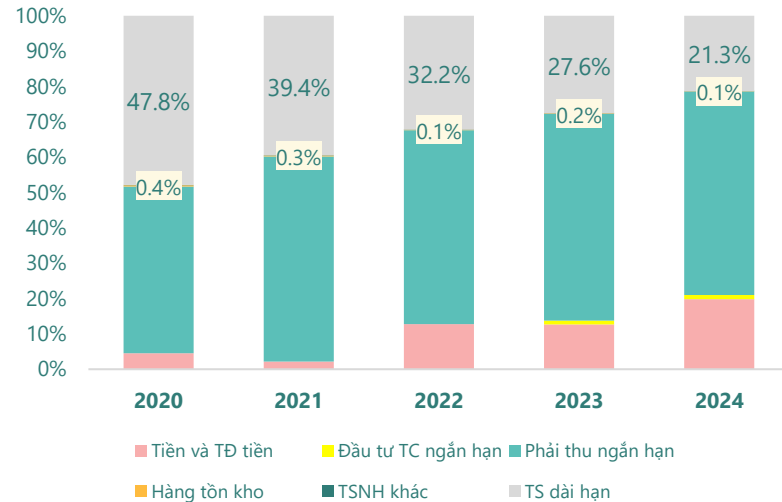
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

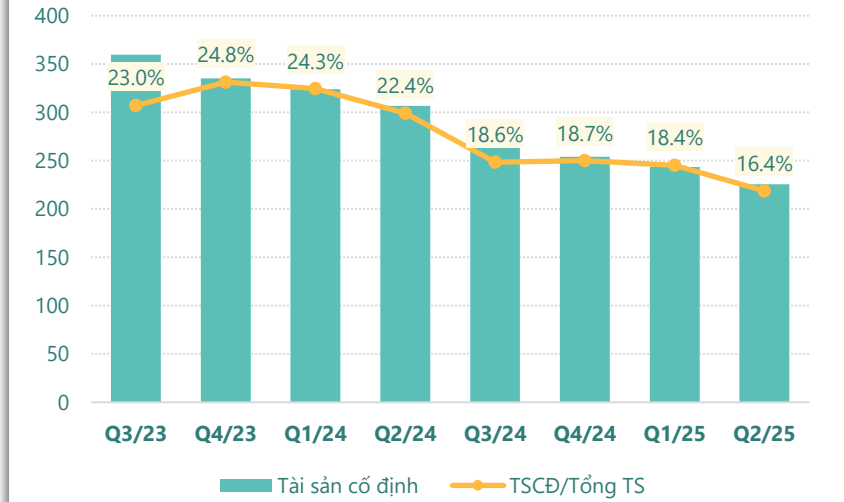
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

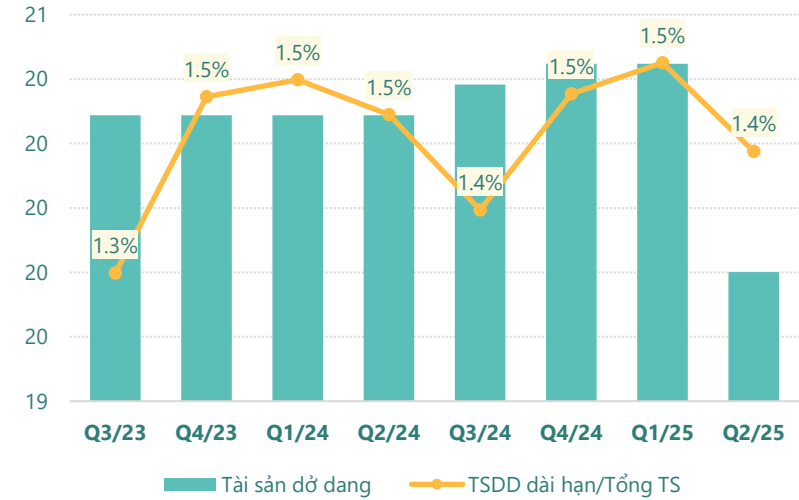
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

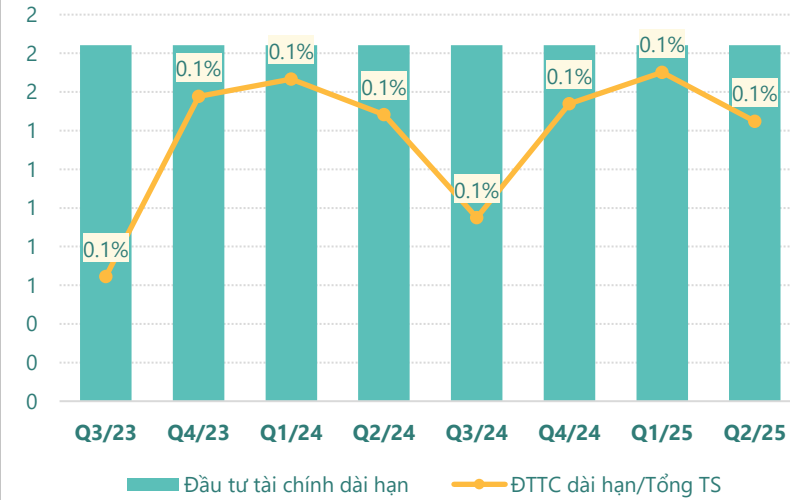
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

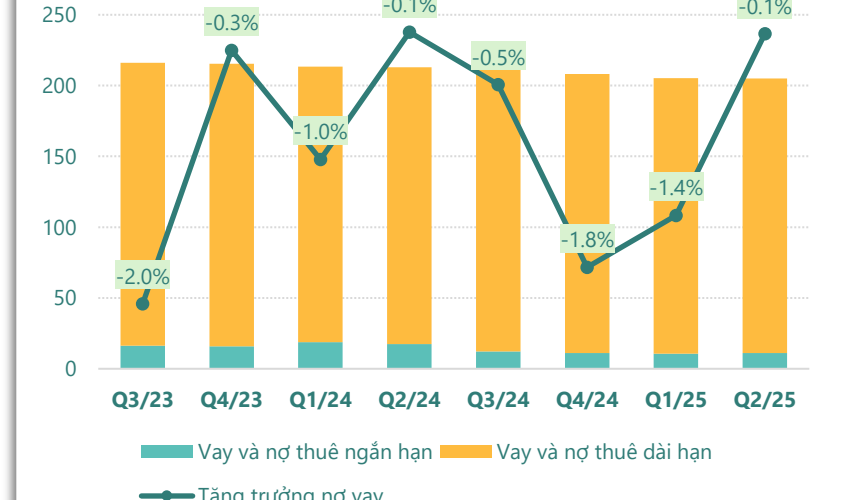
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

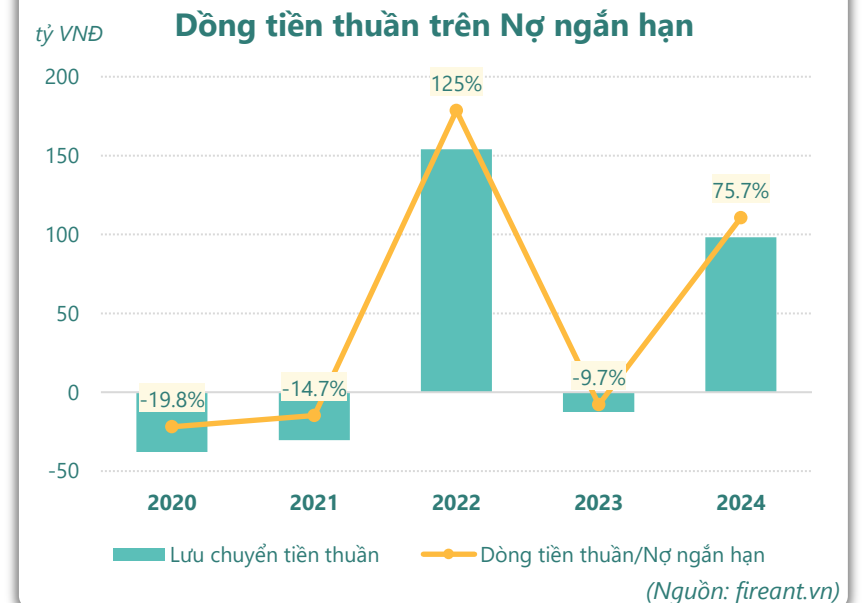
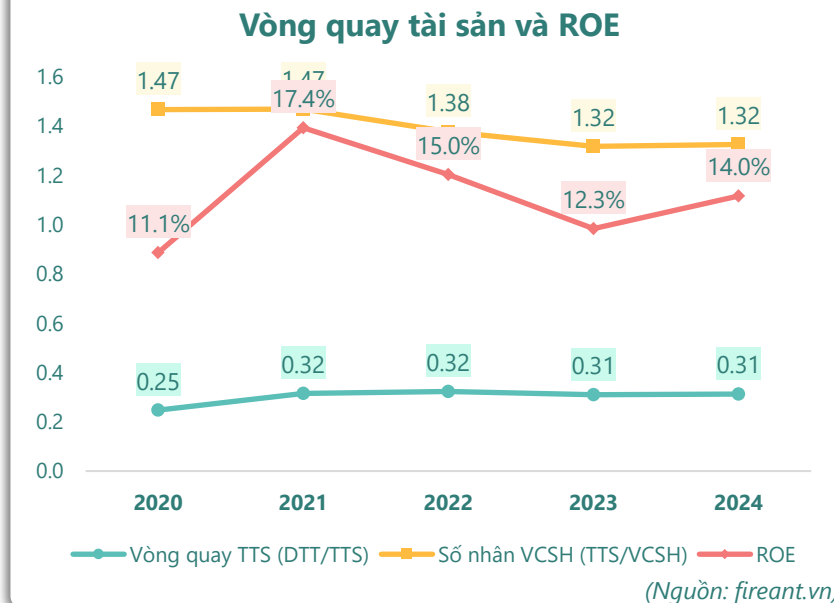
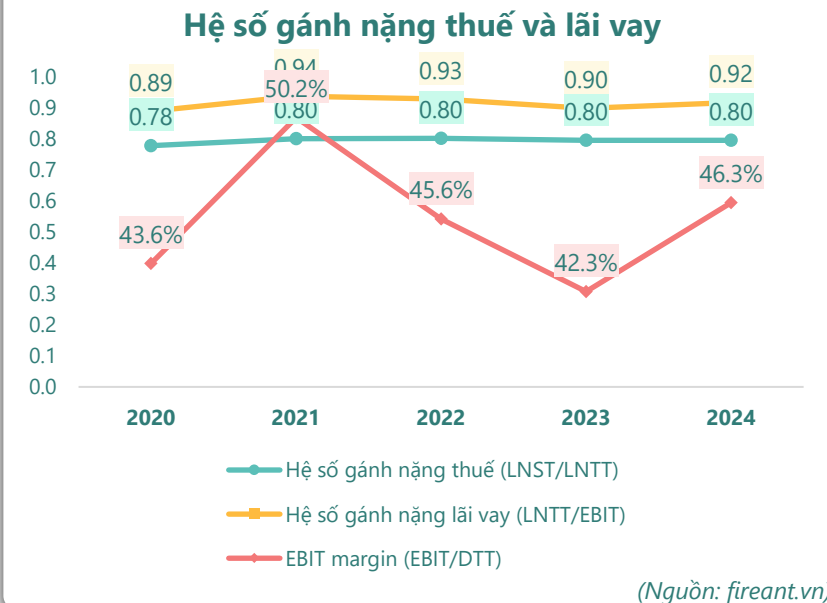
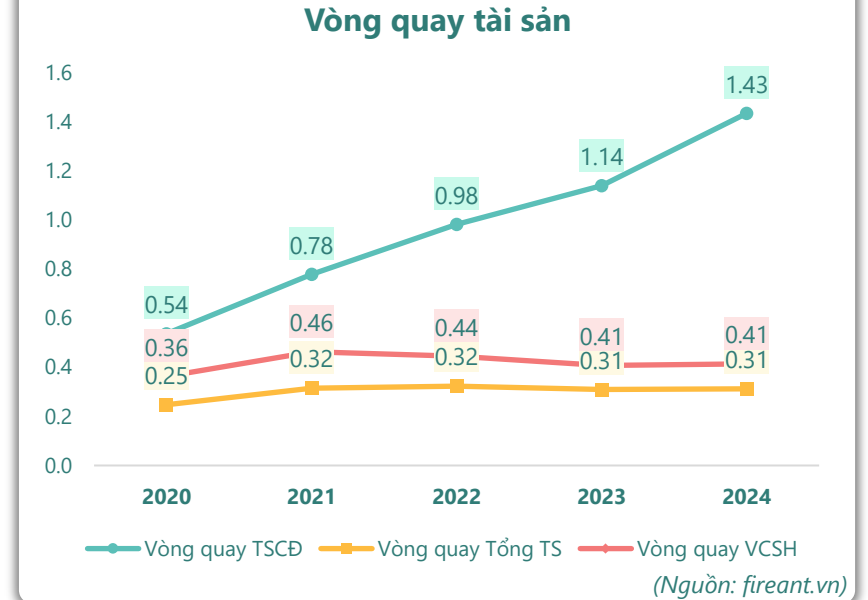
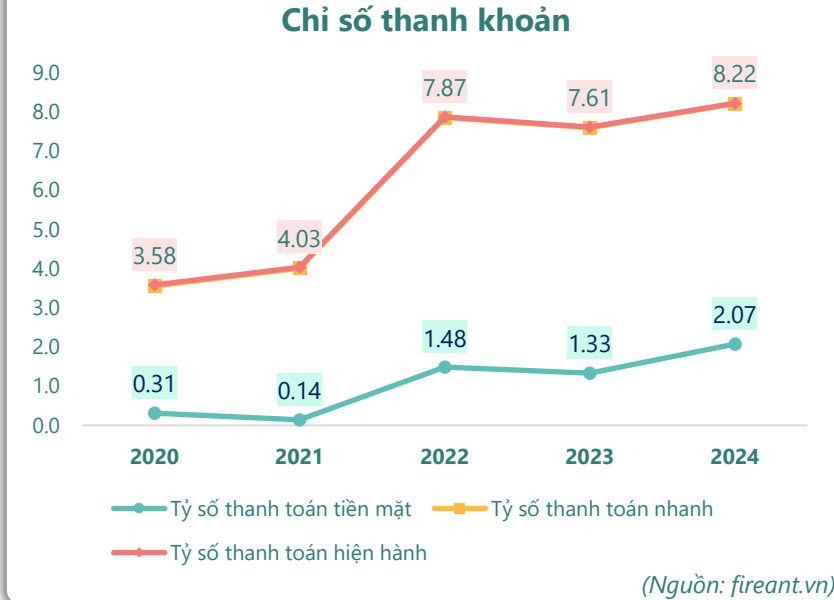
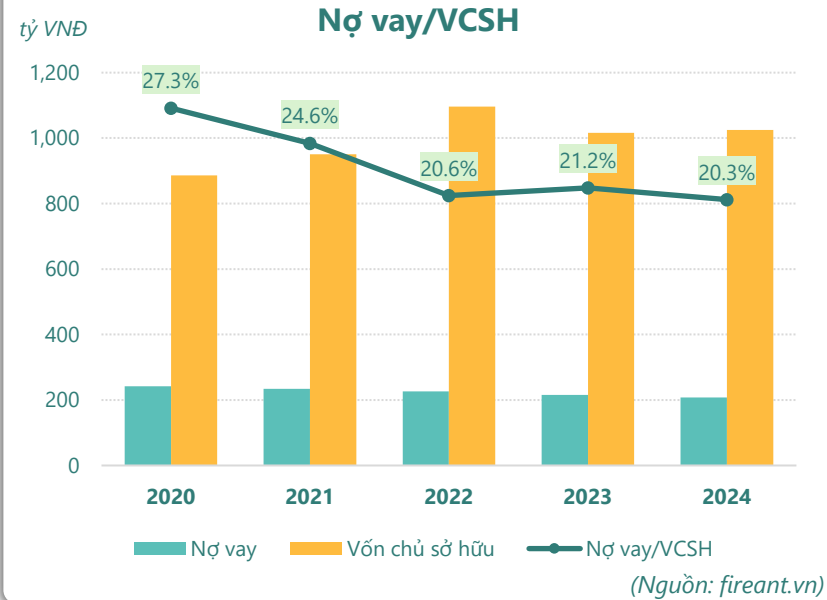
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	99.0	88.5	11.9%	154	147	4.6%
Giá vốn hàng bán	47.1	38.4	22.6%	78.7	66.9	17.7%
Lợi nhuận gộp	52.0	50.1	3.7%	75.0	80.1	-6.4%
Doanh thu HĐTC	7.78	1.10	608%	9.56	2.03	370%
Chi phí TC	7.57	9.82	-22.9%	9.89	12.3	-19.4%
Chi phí lãi vay	4.98	5.74	-13.3%	7.30	8.19	-10.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	5.97	8.20	-27.2%	13.8	16.0	-13.5%
LN thuần từ HĐKD	46.2	33.2	39.2%	60.8	53.8	12.9%
Lợi nhuận khác	0.42	-0.03	1498%	0.42	-0.23	279%
LN trước thuế	46.6	33.2	40.4%	61.2	53.6	14.2%
Lợi nhuận sau thuế	36.8	25.6	43.7%	48.1	41.4	16.1%
LNST của CĐ cty mẹ	37.0	26.0	42.3%	48.5	41.9	15.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.6	39.0	24.5	152	-37.1	-3.18
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.76	1.61	12.0	6.89	1.77	-18.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.79	-1.80	-1.05	-120	-2.95	0
Tiền đầu kỳ	171	156	195	231	269	231
Lưu chuyển tiền thuần	-14.7	38.8	35.4	38.8	-38.2	-21.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	156	195	231	269	231	209

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,374	1,356	1.4%
Tài sản ngắn hạn	1,095	1,067	2.6%
Tiền và tương đương tiền	209	269	-22.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	15.0	167%
Phải thu ngắn hạn	841	781	7.6%
Hàng tồn kho	2.53	1.62	56.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.09	0.37	459%
Tài sản dài hạn	280	289	-3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	225	254	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.8	20.4	-3.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.84	1.84	0.0%
Tài sản dài hạn khác	32.5	12.2	166%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	426	331	28.7%
Nợ ngắn hạn	228	130	75.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.2	11.2	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.2	52.4	-4.3%
Nợ dài hạn	198	201	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	194	197	-1.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	949	1,025	-7.5%
Vốn chủ sở hữu	949	1,025	-7.5%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

